

Số: 37/NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày 14 tháng 11 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố  
về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TÁM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 2047/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 1126/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách trung ương sang năm 2022 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương;*

*Căn cứ Quyết định số 2327/QĐ-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc phân bổ dự toán thu ngân sách năm 2022;*

*Xét Tờ trình số 228/TTr-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung phân bổ dự toán ngân sách năm 2022, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và Điều 1 Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc phân bổ dự toán thu ngân sách năm 2022, như sau:

**A. Bổ sung dự toán thu ngân sách địa phương năm 2022: 650.000 triệu đồng, gồm:**

1. Thu bổ sung từ nguồn kết dư ngân sách cấp thành phố năm 2021: 350.000 triệu đồng.

2. Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương: 300.000 triệu đồng.

**B. Sửa đổi, bổ sung dự toán chi ngân sách địa phương năm 2022:**

(ĐVT: Triệu đồng)

**I. Dự toán chi của ngân sách cấp thành phố: 450.000**

- Dự toán chi cân đối ngân sách theo lĩnh vực: 148.000

+ *Bổ sung chi thường xuyên* 150.000

+ *Giảm chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay* (-) 2.000

- Dự toán chi các chương trình mục tiêu: 300.000

*Bổ sung chi đầu tư phát triển* 300.000

- Bổ sung dự toán chi trả nợ gốc: 2.000

**II. Dự toán chi của ngân sách cấp quận, huyện: 200.000**

Dự toán chi cân đối ngân sách theo lĩnh vực (*chi thường xuyên*): 200.000

2. Tổng hợp số liệu phân bổ dự toán ngân sách năm 2022 sau khi sửa đổi, bổ sung được thể hiện chi tiết tại phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Việc phân bổ chi tiết dự toán sửa đổi, bổ sung thu, chi ngân sách của các đơn vị thuộc quận, huyện (nếu có) do Ủy ban nhân dân quận, huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

**Điều 3.** Trách nhiệm thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Trong quá trình điều hành ngân sách, giao Ủy ban nhân dân thành phố thường xuyên theo dõi, cập nhật ý kiến chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính, xây dựng phương án tiết kiệm, giảm chi ngân sách trong trường hợp thu ngân sách không đạt dự toán được Hội đồng nhân dân thành phố giao, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp gần nhất.

3. Đối với các nội dung sửa đổi, bổ sung dự toán chi thường xuyên cho các cơ quan, đơn vị, giao Ủy ban nhân dân thành phố xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân

dân thành phố trước khi phân bổ kinh phí và tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp gần nhất.

4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 4. Hiệu lực thi hành**

1. Các nội dung khác trong Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 và Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố không sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết này vẫn còn hiệu lực thi hành.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa X, kỳ họp thứ tám (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2022./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành và đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND quận, huyện;
- Website Chính phủ;
- TT. Công báo, Trung tâm lưu trữ lịch sử;
- Báo Cần Thơ, Đài PT và TH TP. Cần Thơ;
- Lưu: VT, HĐ, 250.

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Văn Hiếu**



**Phụ lục Ib**  
**TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022 SAU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
 (Kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố)



DVT: triệu đồng

STT	NỘI DUNG CHI	Dự toán HĐND thành phố giao đầu năm và sửa đổi, bổ sung giữa năm	Dự toán sửa đổi, bổ sung	Chia ra		Dự toán sau khi sửa đổi, bổ sung
				Cấp thành phố	Cấp huyện	
A	B	1	2=3+4	3	4	5=1+2
	<b>TỔNG CHI NSĐP (A+B+C+D)</b>	<b>15.376.910</b>	<b>650.000</b>	<b>450.000</b>	<b>200.000</b>	<b>16.026.910</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÁN ĐỔI NSĐP</b>	<b>12.444.872</b>	<b>348.000</b>	<b>148.000</b>	<b>200.000</b>	<b>12.792.872</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>5.636.590</b>	-	-	<b>0</b>	<b>5.636.590</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	5.162.100	-	-	-	5.162.100
	Trong đó:	-	-	-	-	-
a	Từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.350.000	-	-	-	1.350.000
	- Phân bổ công trình, dự án	500.000	-	-	-	500.000
	- GTGC tiền sử dụng đất và tiền thuê đất	850.000	-	-	-	850.000
b	Từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.600.000	-	-	-	1.600.000
	- Phân bổ công trình, dự án	1.600.000	-	-	-	1.600.000
c	Từ nguồn cân đối ngân sách địa phương	1.394.800	-	-	-	1.394.800
	- Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn quy hoạch	42.724	-18.251	-18.251	-	24.473
	- Phân bổ cho các công trình, dự án	1.352.076	18.251	18.251	-	1.370.327
d	Chi đầu tư từ bội chi	817.300	-	-	-	817.300
2	Nguồn vốn trung ương bổ sung từ nguồn tăng thu NSTW năm 2018 theo Nghị định số 103/2018/NĐ-CP của Chính phủ	143.300	-	-	-	143.300
3	Nguồn thu vượt XSKT các năm trước	131.190	-	-	-	131.190
4	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	200.000	-	-	-	200.000
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>6.530.800</b>	<b>350.000</b>	<b>150.000</b>	<b>200.000</b>	<b>6.880.800</b>
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.459.522	200.000	0	200.000	2.659.522
	- Chi sự nghiệp giáo dục	2.301.932	200.000	-	200.000	2.501.932
	- Chi đào tạo và dạy nghề	157.590	-	-	-	157.590
2	Chi khoa học và công nghệ	46.902	-	-	-	46.902
3	Chi quốc phòng	145.860	-	-	-	145.860
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	60.289	-	-	-	60.289
5	Chi y tế, dân số và gia đình	406.865	100.000	100.000	-	506.865
	- Sự nghiệp y tế	216.944	100.000	100.000	-	316.944
	- Chi công tác chăm sóc BV sức khỏe Cán bộ	6.325	-	-	-	6.325
	- KP mua BHYT cho đối tượng BTXH	31.376	-	-	-	31.376
	- KP mua BHYT cho người nghèo	3.550	-	-	-	3.550
	- KP mua BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi	85.004	-	-	-	85.004
	- KP hỗ trợ mua BHYT hộ cận nghèo	26.412	-	-	-	26.412
	- KP mua BHYT cho người hiến tạng	2.027	-	-	-	2.027
	- KP mua BHYT cho hộ gia đình nông lâm, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	80	-	-	-	80
	- KP mua BHYT cho người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất	147	-	-	-	147
	- KP hỗ trợ mua BHYT học sinh, sinh viên	35.000	-	-	-	35.000
6	Chi văn hoá - thông tin	70.910	-	-	-	70.910
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	34.782	-	-	-	34.782
8	Chi thể dục thể thao	68.907	-	-	-	68.907
9	Chi bảo vệ môi trường	226.630	-	-	-	226.630
10	Chi các hoạt động kinh tế	648.086	-	-	-	648.086
	- Nông nghiệp	63.680	-	-	-	63.680
	- Thủy lợi	187.410	-	-	-	187.410
	- Giao thông	147.703	-	-	-	147.703
	- Kiến thiết thị chính	188.215	-	-	-	188.215
	- Vốn quy hoạch	15.000	-	-	-	15.000
	- Sự nghiệp kinh tế khác	46.078	-	-	-	46.078

STT	NỘI DUNG CHI	Dự toán HĐND thành phố giao đầu năm và sửa đổi, bổ sung giữa năm	Dự toán sửa đổi, bổ sung	Chia ra		Dự toán sau khi sửa đổi, bổ sung
				Cấp thành phố	Cấp huyện	
A	B	1	2=3+4	3	4	5=1+2
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	789.809	-			789.809
	- Quản lý nhà nước	495.075	-			495.075
	- Đảng	204.917	-			204.917
	- Đoàn thể, các tổ chức kinh tế XH	89.817	-			89.817
12	Chi đảm bảo xã hội	404.796	-			404.796
	- Đảm bảo xã hội	394.796	-			394.796
	- KP phát sinh do tăng số đối tượng BTXH và mức chi trong năm	10.000	-			10.000
13	Chi ngân sách xã	620.240	-			620.240
14	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương	125.039	-			125.039
15	Chi thường xuyên khác	422.163	50.000	50.000		472.163
	- Kinh phí khen thưởng	5.000	-			5.000
	- Các khoản thu hồi qua thanh tra nộp NSNN (30%)	10.000	-			10.000
	- Chuyển Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay các đối tượng chính sách	100.000	-			100.000
	- Trợ cấp Tết Nguyên đán	117.200	-			117.200
	- KP lập Quỹ hỗ trợ nông dân	2.000	-			2.000
	- Các khoản chi phát sinh còn lại	187.963	50.000	50.000		237.963
		-	-			-
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	50.000	-2.000	-2.000		48.000
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.380	-			1.380
V	Dự phòng ngân sách	226.102	-			226.102
		-	-			-
<b>B</b>	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>	<b>2.851.038</b>	<b>300.000</b>	<b>300.000</b>		<b>3.151.038</b>
<b>I</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia</b>	-	-			-
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</b>	<b>2.851.038</b>	<b>300.000</b>	<b>300.000</b>		<b>3.151.038</b>
1	Chi đầu tư phát triển	2.723.778	300.000	300.000		3.023.778
2	Chi sự nghiệp	127.260	-			127.260
		-	-			-
<b>C</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>	-	-	-		-
		-	-			-
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSĐP</b>	<b>81.000</b>	<b>2.000</b>	<b>2.000</b>		<b>83.000</b>



**Phụ lục Ia**  
**TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ**  
**VÀ NGÂN SÁCH QUẬN, HUYỆN NĂM 2022 SAU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố)*



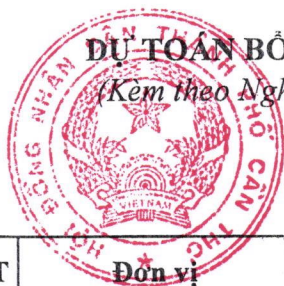
Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND thành phố giao đầu năm và sửa đổi, bổ sung giữa năm	Dự toán sửa đổi, bổ sung	Dự toán sau khi sửa đổi, bổ sung
1	2	3	4	5
<b>A</b>	<b>NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ</b>			
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách</b>	<b>13.292.111</b>	<b>650.000</b>	<b>13.942.111</b>
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	8.400.427		8.400.427
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.438.194	300.000	4.738.194
-	<i>Thu bổ sung cân đối ngân sách</i>	-		-
-	<i>Thu bổ sung có mục tiêu</i>	4.438.194	300.000	4.738.194
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	-		-
4	Thu kết dư ngân sách cấp thành phố năm 2021	453.490	350.000	803.490
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách</b>	<b>14.070.042</b>	<b>650.000</b>	<b>14.720.042</b>
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp thành phố	9.426.210	450.000	9.876.210
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	4.643.832	200.000	4.843.832
-	<i>Chi bổ sung cân đối ngân sách</i>	4.573.228		4.573.228
-	<i>Chi bổ sung có mục tiêu</i>	70.604	200.000	270.604
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	-		-
<b>III</b>	<b>Bội chi NSDP/Bội thu NSDP</b>	<b>817.300</b>		<b>817.300</b>
<b>B</b>	<b>NGÂN SÁCH QUẬN, HUYỆN</b>			
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách</b>	<b>5.911.331</b>	<b>200.000</b>	<b>6.111.331</b>
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	1.267.499		1.267.499
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.643.832	200.000	4.843.832
-	<i>Thu bổ sung cân đối ngân sách</i>	4.573.228		4.573.228
-	<i>Thu bổ sung có mục tiêu</i>	70.604	200.000	270.604
3	Thu kết dư	-		-
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-		-
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách</b>	<b>5.950.700</b>	<b>200.000</b>	<b>6.150.700</b>

**Phụ lục II**

**DỰ TOÁN BỔ SUNG HỖ TRỢ HỌC PHÍ NĂM HỌC 2022 - 2023**

*(Kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân thành phố)*



*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Đơn vị	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>200.000</b>	
1	Quận Ninh Kiều	Hỗ trợ học phí năm học 2022 - 2023	68.200	
2	Quận Bình Thủy	Hỗ trợ học phí năm học 2022 - 2023	37.700	
3	Quận Cái Răng	Hỗ trợ học phí năm học 2022 - 2023	11.500	Hỗ trợ học kỳ I
4	Quận Ô Môn	Hỗ trợ học phí năm học 2022 - 2023	27.400	
5	Quận Thốt Nốt	Hỗ trợ học phí năm học 2022 - 2023	12.000	Hỗ trợ học kỳ I
6	Huyện Phong Điền	Hỗ trợ học phí năm học 2022 - 2023	11.500	
7	Huyện Cờ Đỏ	Hỗ trợ học phí năm học 2022 - 2023	8.200	
8	Huyện Thới Lai	Hỗ trợ học phí năm học 2022 - 2023	11.200	
9	Huyện Vĩnh Thạnh	Hỗ trợ học phí năm học 2022 - 2023	12.300	